

Bản án số: 73/2024/DS-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2024
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khuru Liên Dung và bà Dur Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tô Hồng Đức – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 575/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng cầm cố*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 57/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà N T H H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số #, Khóm #, Phường #, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N C T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số #, đường B, Phường #, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

* Bị đơn: Ông H A T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân K

Địa chỉ: Số #, T, Phường #, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N Ú H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày:*

Ngày 24/4/2023 bà H có đến Tiệm vàng & cầm đồ K2 (gọi tắt là “Tiệm vàng” để thế chấp số vàng dưới đây để đảm bảo cho khoản vay 420.000.000đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất là 1.5%/tháng, thời hạn cầm là 01 (một) tháng.

Số vàng thế chấp và giá trị cụ thể gồm:

1/. 06 (sáu) miếng vàng SJC, mỗi miếng là 01 lượng vàng, giá vàng SJC tại thời điểm ngày 24/4/2023 Bạc Liêu là 66.470.000đồng/01 lượng vàng (mua vào) và 67.100.000đồng/01 lượng vàng (bán ra). Tổng giá trị 06 (sáu) lượng vàng SJC tại thời điểm ngày 24/4/2023 Bạc Liêu là 398.820.000đồng (mua vào) và 402.600.000đồng (bán ra).

2/. 02 (hai) miếng vàng PNJ, mỗi miếng là 05 chỉ vàng, giá vàng PNJ tại thời điểm ngày 24/4/2023 là 66.450.000đồng/01 lượng vàng (mua vào) và 67.000.000đồng/01 lượng vàng (bán ra). Tổng giá trị 02 (hai) miếng vàng PNJ, mỗi miếng là 05 chỉ vàng tại thời điểm ngày 24/4/2023 là 66.450.000đồng/01 lượng vàng (mua vào) và 67.000.000đồng/01 lượng vàng (bán ra);

3/. 01 (một) nhẫn trơn 24K có trọng lượng là 01 lượng vàng, giá vàng nữ trang 99,99% (vàng 24K) tại thời điểm ngày 24/4/2023 là 55.500.000đồng/01 lượng vàng (mua vào) và 56.300.000đồng/01 lượng vàng (bán ra). Tổng giá trị 01 (một) nhẫn trơn 24K có trọng lượng là 01 lượng vàng tại thời điểm ngày 24/4/2023 là 55.500.000đồng/01 lượng vàng (mua vào) và 56.300.000đồng/01 lượng vàng (bán ra).

Tổng giá trị vàng thế chấp nêu trên vào thời điểm ngày 24/4/2023 là 520.770.000đồng (mua vào) và 525.900.000đồng (bán ra).

Từ ngày 24/4/2023 đến ngày 24/6/2023 bà H không có đến Tiệm vàng để đóng tiền lãi.

Sau ngày 24/6/2023 bà H đến Tiệm vàng để trả tiền lãi và nợ gốc để lấy lại tài sản đã thế chấp thì Tiệm vàng thông báo với bà H là số vàng đã được Tiệm vàng thanh lý để thu hồi vốn. Khi đó, bà H có yêu cầu Tiệm vàng trả lại phần giá trị chênh lệch sau khi Tiệm vàng đã thanh lý, giá trị chênh lệch được tính toán cụ thể như sau:

Giá trị vàng thế chấp tại thời điểm thanh lý ngày 25/6/2023:

1/. 06 (sáu) miếng vàng SJC, mỗi miếng là 01 lượng vàng, giá vàng SJC tại thời điểm ngày 25/6/2023 Bạc Liêu là 66.520.000đồng/01 lượng vàng (mua vào) và 67.150.000đồng/01 lượng vàng (bán ra). Tổng giá trị 06 (sáu) lượng vàng SJC tại thời điểm ngày 25/6/2023 Bạc Liêu là 399,120.000đồng (mua vào) và 402.900.000đồng (bán ra).

2/. 02 (hai) miếng vàng PNJ, mỗi miếng là 05 chỉ vàng, giá vàng PNJ tại thời điểm ngày 25/6/2023 là 66.450.000đồng/01 lượng vàng (mua vào) và 66.950.000đồng/01 lượng vàng (bán ra). Tổng giá trị 02 (hai) miếng vàng PNJ, mỗi miếng là 05 chỉ vàng tại thời điểm ngày 25/6/2023 là 66.450.000đồng/01 lượng vàng (mua vào) và 66.950.000đồng/01 lượng vàng (bán ra).

3/. 01 (một) nhẫn trơn 24K có trọng lượng là 01 lượng vàng, giá vàng nữ trang 99,99% (vàng 24K) tại thời điểm ngày 25/6/2023 là 55.250.000đồng/01 lượng vàng (mua vào) và 55.950.000đồng/01 lượng vàng (bán ra). Tổng giá trị 01 (một) nhẫn trơn 24K có trọng lượng là 01 lượng vàng tại thời điểm ngày 25/6/2023 là 55.250.000đồng/01 lượng vàng (mua vào) và 55.950.000đồng/01 lượng vàng (bán ra).

Tổng giá trị vàng thế chấp nêu trên vào thời điểm ngày 25/6/2023 là 520.820.000đồng (mua vào) và 525.800.000đồng (bán ra).

Giá trị chênh lệch tính từ thời điểm thanh lý ngày 25/6/2023 sau khi trừ đi tiền nợ gốc và tiền lãi 02 tháng từ ngày 24/4/2023 đến ngày 24/6/2023 là: 520.820.000đồng (mua vào) - 420.000.000đồng - (1.5% x 02 tháng x 420.000.000đồng) = 88.220.000đồng.

Giá trị chênh lệch bà H yêu cầu Tiệm vàng trả lại là 88.220.000đồng, khi đó Tiệm vàng không đồng ý vì cho rằng đã quá thời hạn 02 tháng nên Tiệm vàng được quyền thanh lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi vốn.

Nhận thấy việc Tiệm vàng không trả lại giá trị chênh lệch nêu trên cho bà H là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, bởi số vàng chỉ là tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ vay và khi Tiệm vàng thanh lý tài sản thế chấp lại không có bất kỳ thông báo gì cho bà H.

Đồng thời, tại Hợp đồng thế chấp (cầm cố) tài sản được giao kết thì bên nhận cầm cố là doanh nghiệp nhưng phía bên nhận cầm cố lại không sử dụng con dấu của doanh nghiệp và không thể hiện đúng tên của người đại diện của doanh nghiệp có quyền hạn ký kết hợp đồng.

Do đó, Hợp đồng thế chấp (cầm cố) tài sản này đã vi phạm về mặt hình thức của hợp đồng theo quy định pháp luật và lý do dẫn đến vi phạm này là lỗi của bên nhận cầm cố là Tiệm vàng.

Nay bà H yêu cầu: Hủy bỏ Hợp đồng thế chấp (cầm cố) tài sản ngày 24/4/2023 của Doanh nghiệp tư nhân K và xử lý hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng là Doanh nghiệp tư nhân K trả lại giá trị chênh lệch sau khi thanh lý tài sản của bà H với số tiền là 88.220.000đồng (Tám mươi tám triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

**** Theo ông N Ú H là người đại diện ủy quyền của ông H A T - chủ Doanh nghiệp tư nhân K trình bày như sau:***

Ngày 24/4/2023 bên chị Hạnh có đến Doanh nghiệp tư nhân K (gọi tắt là tiệm vàng Kim Dung 2) để cầm tổng các tài sản gồm: 06 miếng SJC trọng lượng là 06 lượng + 02 miếng (PNJ) + Nhẫn trơn 01 lượng vàng 24K, bà H cầm tổng số tiền 420.000.000đồng. Thời điểm nhận cầm tài sản nêu trên thì tiệm có lập hợp đồng cầm cố tài sản cho bà H, tiệm lập hợp đồng trên máy tính, sau khi lập thì in ra đưa cho bà H 01 bản gốc có chữ ký của chủ doanh nghiệp. Nội dung thỏa thuận: Lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn 01 tháng phải đóng lãi, nếu quá 02 tháng không chuộc hoặc không đóng lãi thì tiệm có quyền bán tài sản.

Từ sau ngày 24/4/2023 bà H không lần nào đến tiệm hay liên lạc với tiệm (bằng điện thoại) để xin gia hạn đóng lãi, hay xin gia hạn thời hạn giữ đồ để chuộc lại với tiệm. Đáng lẽ sau 02 tháng (vào ngày 24/6/2023), bà H không đóng lãi, không chuộc đồ thì tiệm sẽ thanh lý tài sản nhưng tiệm cũng đợi thêm 03 tháng nữa là vào ngày 24/09/2023 (sau ngày hết hạn) tiệm mới đem đồ đi nấu. Tuy nhiên, mãi đến ngày 27/10/2023 thì bà H mới đến tiệm để yêu cầu chuộc đồ. Tính từ ngày 24/4/2023 đến ngày 27/10/2023 thì đã là 06 tháng 03 ngày bà H mới đến yêu cầu chuộc đồ. Trong thời gian hơn 06 tháng mà bà H không có lần nào đóng lãi, không chuộc lại đồ đúng thời hạn thỏa thuận, cũng như không yêu cầu gia hạn thời hạn,

không yêu cầu giữ đồ để chuộc lại. Chính vì vậy, để thu hồi vốn và lãi tiệm đã đem tài sản nhận cầm thanh lý là đúng.

Doanh nghiệp tư nhân K không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Doanh nghiệp tư nhân K đã cung cấp đoạn Camera hình ảnh vào ngày 27/10/2023 tại Doanh nghiệp tư nhân K về hình ảnh bà H đến tiệm để yêu cầu chuộc lại đồ. Đồng thời yêu cầu Tòa án xác minh các tiệm vàng lân cận tại địa phương về việc xử lý tài sản khi hết hạn thỏa thuận mà khách hàng cầm đồ không đóng lãi, không chuộc đồ.

*** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Vi phạm Điều 68 BLTTDS về xác định sai chủ thể của bị đơn. Tại phiên tòa yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm và điều chỉnh lại trong bản án bị đơn là ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K.

- Về nội dung: Điều 309, 310, 311, 313, 315 BLDS; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Chấm dứt hợp đồng thế chấp (cầm cố) tài sản ngày 24/4/2023 giữa bà N T H H với ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K.

+ Buộc ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K trả cho bà N T H H số tiền 56.090.000 đồng.

+ Không chấp nhận yêu cầu của bà N T H H yêu cầu ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K trả số tiền 32.130.000 đồng.

+ Về án phí: Bà N T H H và ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà H khởi kiện đối với bị đơn yêu cầu hủy giao dịch cầm cố tài sản; Bị đơn có địa chỉ đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự. Đồng thời, xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về xác định tư cách của những người tham gia tố tụng: Bà N T H H yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân Kim Dung trả lại giá trị vàng chênh lệch của số tiền cầm cố và tiền lãi với số tiền 88.220.000 đồng, nên quá trình thụ lý vụ án Tòa án xác định Doanh nghiệp tư nhân Kim Dung là bị đơn là chưa đúng quy định tại Điều 68 Bộ Luật tố tụng Dân sự mà đáng lẽ ra phải xác định bị đơn là ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K. Tại phiên tòa phía đại diện nguyên đơn xác định bà H yêu cầu đối với bị đơn là ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K. Nay Hội đồng xét xử xác định lại bị đơn là ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Ngày 24/4/2023 bà H đến Doanh nghiệp tư nhân K (tên gọi khác là Tiệm vàng & cầm đồ K2) do ông H A Tlà chủ anh nghiệp tư nhân Kim Dung Bạc Liêu để cầm 6 lượng vàng SJC, 01 lượng vàng PNJ và 01 lượng vàng 24k với số tiền 420.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng có lập hợp đồng thế chấp (cầm cố) tài sản là có trên thực tế, được hai bên thống nhất thừa nhận. Từ ngày 24/4/2023 đến ngày 24/6/2023 bà H không có đến tiệm vàng đóng lãi, đến ngày 27/10/2023 bà H mới đến tiệm vàng để yêu cầu chuộc; từ khi cầm cố đến thời điểm phát sinh tranh chấp và đến thời điểm hiện nay bà H chưa lần nào trả tiền gốc, đóng lãi cầm cố là tình tiết được hai bên thống nhất thừa nhận. Căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3.2] Theo nguyên đơn, hợp đồng cầm cố tài sản ngày 24/4/2023 đã vi phạm về mặt hình thức do bên nhận cầm cố là doanh nghiệp nhưng phía bên nhận cầm cố không sử dụng con dấu của doanh nghiệp và không thể hiện đúng tên của người đại diện của doanh nghiệp có quyền hạn ký kết hợp đồng và lý do dẫn đến hợp đồng bị vi phạm là lỗi của bên nhận cầm cố là tiệm vàng. Do đó, bà H yêu cầu hủy bỏ hợp đồng cầm cố ngày 24/4/2023 và yêu cầu xử lý hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng và Doanh nghiệp tư nhân K trả lại giá trị chênh lệch sau khi thanh lý tài sản của bà H là 88.220.000 đồng.

[3.3] Bị đơn không đồng ý yêu cầu của bà H; Theo bị đơn xác định: Đáng lẽ ra sau 02 tháng kể từ ngày cầm cố bà H không đóng lãi, không chuộc đồ thì tiệm sẽ thanh lý tài sản nhưng tiệm cũng đợi thêm 03 tháng nữa là vào ngày 24/09/2023 (sau ngày hết hạn) tiệm mới đem vàng đi nấu và đến ngày 27/10/2023 (là 06 tháng 03 ngày) thì bà H mới đến tiệm vàng để yêu cầu chuộc đồ. Do bà H đã vi phạm thời hạn thỏa thuận, trong khi từ khi cầm đến hơn 06 tháng sau bà H không lần nào liên hệ với tiệm vàng, không lần nào yêu cầu tiệm vàng gia hạn thời hạn giữ đồ để chuộc lại nên tiệm vàng đã đem vàng của bà H cầm thanh lý để thu hồi, lãi phát sinh là đúng.

[3.4] Hội đồng xét xử xét thấy: Đối tượng trong giao dịch cầm cố là vàng. Mặc dù, hợp đồng thế chấp (cầm cố) tài sản ngày 24/4/2023 giữa bà H với Doanh nghiệp tư nhân K (tên gọi khác Tiệm vàng & cầm đồ K2) do ông Tuấn làm chủ không có đóng dấu của Doanh nghiệp tư nhân K và không có chữ ký của ông Tuấn nhưng đây không phải là điều kiện bắt buộc để hợp đồng cầm cố có hiệu lực và theo quy định tại Điều 310 Bộ luật dân sự thì hợp đồng cầm tài sản có hiệu lực từ thời điểm giao kết, như vậy hợp đồng cầm cố (cầm vàng) giữa bà H với Doanh nghiệp tư nhân K (tên gọi khác Tiệm vàng & cầm đồ K2) do ông Tuấn làm chủ có hiệu lực kể từ ngày 24/4/2023 nên không chấp nhận ý kiến của nguyên đơn. Theo đó, hợp đồng cầm cố (cầm vàng) có hiệu lực nên trách nhiệm phát sinh cho cả hai bên cầm và nhận cầm. Cụ thể, bên cầm tài sản bà H phải có nghĩa vụ trả tiền lãi theo thỏa thuận 1,5%/tháng kể từ ngày 24/4/2023 và bên nhận cầm Tiệm vàng & cầm đồ K2 do ông Tuấn làm chủ có nghĩa vụ bảo quản, gìn giữ số vàng nhận cầm này.

[3.6] Tại hợp đồng thể hiện: *“trong 1 tháng phải có trách nhiệm đóng lãi nếu quá 02 tháng khách hành không đến chuộc hoặc không đóng lãi, thì tiệm có quyền bán để thu hồi vốn”*. Hội đồng xét xử xét thấy, việc tiệm vàng đã tự ý thanh lý toàn bộ số vàng của Hạnh để thu hồi vốn, lãi phát sinh mà không thông báo cho bà H là

chưa có cơ sở. Đồng thời, bà H đã không đóng lãi đúng thời hạn thỏa thuận cũng đã vi phạm nội dung thỏa thuận.

[3.7] Xét tiền lãi phát sinh:

[3.7.1] Mặc dù, bà H vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận nhưng giá trị vàng so với số tiền cầm cố và tiền lãi mà bà H còn phải trả thì vẫn còn. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi 02 tháng từ ngày 24/4/2023 đến ngày 24/6/2023; bị đơn yêu cầu tính lãi đến ngày 19/6/2024 (ngày Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử). Hội đồng xét xử xét thấy, bà H chỉ đồng ý đóng 02 tháng từ ngày cầm đến ngày 24/6/2023 là không được chấp nhận, bởi thực tế bà H đã nhận tiền gốc cầm nhưng cho đến thời điểm giữa bà H và tiệm vàng phát sinh tranh chấp bà H vẫn không lần nào đóng lãi trong khi tiền gốc cầm cũng chưa trả. Xét thấy, ngày 01/11/2023 bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng do đơn khởi kiện của bà H không xác định rõ yêu cầu khởi kiện nên Tòa án đã yêu cầu bà H sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và đến ngày 27/11/2023 bà H mới nộp đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết do đó Hội đồng xét xử chấp nhận tính lãi đến ngày bà H có đơn khởi kiện hợp lệ (ngày 27/11/2023) là phù hợp và cũng nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của hai bên đương sự.

[3.7.2] Do đó, bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông H A T– chủ Doanh nghiệp tư nhân K tiền lãi từ ngày 24/4/2023 đến ngày 27/11/2023 là: 420.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 07 tháng 03 ngày = 44.730.000 đồng. Ông H A T– chủ Doanh nghiệp tư nhân K có nghĩa vụ trả lại số vàng mà bà H đã cầm.

[3.7.3] Tuy nhiên, do hiện nay tài sản cầm cố không còn nên ông H A T– chủ Doanh nghiệp tư nhân K có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị chênh lệch tài sản cầm cố với nghĩa vụ đối trừ cho ông Tuấn, cụ thể như sau:

[3.7.3a] Về xác định giá trị tài sản cầm cố: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu áp dụng giá mua vào ngày 25/6/2023; bị đơn yêu cầu áp dụng giá mua vào ngày 24/8/2023 (ngày thanh lý). Do tài sản cầm cố là vàng và giá vàng luôn thay đổi biến động không ổn định nên để đảm bảo quyền lợi của các bên thì việc xác định giá vàng mua vào để làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu áp giá vàng ngày 25/6/2023, bị đơn yêu cầu áp giá vàng ngày 24/8/2023. Xét thấy, căn cứ các bảng giá vàng được niêm yết đối với các ngày này thì ngày 25/6/2023 có giá cao hơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo sự thừa nhận của nguyên đơn là áp dụng giá vàng ngày 25/6/2023 để xác định giá trị vàng (là tài sản cầm cố).

[3.7.3b] Tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu Hội đồng xét xử áp giá vàng mua vào. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của đương sự; yêu cầu này của nguyên, bị đơn phù hợp quy định pháp luật; không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3.7.3c] Căn cứ bảng giá vàng được niêm yết tại chuyên mục kinh tế của Báo Nông nghiệp Việt Nam ngày 25/6/2023 như sau:

- + Vàng SJC: mua vào 66.520.000 đồng/lượng; bán ra 67.150.000 đồng/lượng
- + Vàng PNJ: mua vào 66.450.000 đồng/lượng; bán ra 66.950.000 đồng/lượng
- + Vàng 24K: mua vào 55.250.000 đồng/lượng; bán ra 55.950.000 đồng/lượng

Như vậy, tổng số vàng của bà H tại thời điểm ngày 25/6/2023 có giá trị mua vào là: (6 lượng vàng SJC x 66.520.000 đồng/lượng) + (1 lượng vàng PNJ x 66.450.000 đồng/lượng) + (01 lượng vàng 24k x 55.250.000 đồng/lượng) = 520.820.000 đồng.

Giá trị vàng sai khi đối trừ với tiền nợ và tiền lãi còn lại là: 520.820.000 đồng – 420.000.000 đồng - 44.730.000 đồng = 56.090.000 đồng.

[4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn bà N T H H, buộc bị đơn ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K trả số tiền 56.090.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà N T H H yêu cầu ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K trả số tiền 32.130.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận; Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền buộc phải trả cho nguyên đơn.

[6] Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 309, 310, 311, 313, 315 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N T H H yêu cầu ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K trả số tiền 56.090.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà N T H H yêu cầu ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K trả số tiền 32.130.000 đồng.

Chấm dứt hợp đồng thế chấp (cầm cố) tài sản ngày 24/4/2023 giữa bà N T H H với ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K.

2. Buộc ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K trả cho bà N T H H số tiền 56.090.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà N T H H phải chịu 1.606.500 đồng, bà H đã nộp tạm ứng án phí 2.202.000 đồng theo biên lai số 0002246 ngày 07/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu sau khi đối trừ bà H được hoàn lại 595.000 đồng.

Buộc ông H A T– Chủ Doanh nghiệp tư nhân K phải chịu 2.804.500 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thị Mỹ Hằng